

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23-11-2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh;
2. Ông Đặng Minh Lý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu - *Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.*

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 140/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Huệ T, sinh năm 1990, địa chỉ: Số a, khu phố TH, phường DH, thành phố D, tỉnh Bình Dương (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Bùi Văn L, sinh năm 1989; địa chỉ: Số b, đường số b1, khu phố b2, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/3/2021 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Võ Thị Huệ T trình bày:

Bà Võ Thị Huệ T và ông Bùi Văn L tự nguyện tìm hiểu, sống chung với nhau vào năm 2009 và đăng ký kết hôn tại UBND phường TH, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Do cuộc sống giữa vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do ông L sử dụng ma túy sau đó bị bắt nên tình cảm vợ chồng rạn nứt, hiện đang chấp hành án về tội mua bán trái phép chất ma túy tại trại giam An Phước – Bộ Công an. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết để ly hôn với ông Bùi Văn L. Về con chung: Quá trình chung sống bà T và ông L có hai con chung tên Bùi Võ Đăng K, sinh ngày

17/8/2009 và Bùi Võ Thúy U, sinh ngày 24/02/2011, bà T yêu cầu được nuôi hai con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 22/10/2021 - Bị đơn ông Bùi Văn L trình bày: Ông L thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian sống chung và đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống cuộc sống của vợ chồng không hợp nhau, hiện nay tình cảm vợ chồng rạn nứt nên bà T nộp đơn ly hôn thì ông L đồng ý. Về con chung: Quá trình chung sống bà T và ông L có hai con chung tên Bùi Võ Đăng K, sinh ngày 17/8/2009 và Bùi Võ Thúy U, sinh ngày 24/02/2011, ông L đồng ý để bà T nuôi hai con và không cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa có ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị sửa chữa, bổ sung gì về phần thủ tục. Về nội dung, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Võ Thị Huệ T khởi kiện tranh chấp yêu cầu được ly hôn, về nuôi con với bị đơn ông Bùi Văn L. Bị đơn ông Bùi Văn L có đăng ký thường trú tại số b đường số b1, khu phố b2, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Võ Thị Huệ T và ông Bùi Văn L đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

Bà Võ Thị Huệ T và ông Bùi Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2009 tại UBND phường TH, thị xã T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số xx/009, quyển số 01, ngày 05/5/2009 nên quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Bà T yêu cầu được ly hôn với ông L vì cho rằng trong quá trình chung sống cuộc sống giữa vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do ông L sử dụng ma túy sau đó bị bắt nên tình cảm vợ chồng rạn nứt, hiện ông L đang chấp hành án về tội mua bán trái phép chất ma túy tại trại giam An Phước – Bộ Công an. Lời trình bày của bà T được ông L thừa nhận và đồng ý ly hôn với bà T, cũng phù hợp với Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông L ngày 20/10/2021. Nhận thấy, thời gian xảy ra mâu thuẫn đã lâu và vợ chồng không có nguyện vọng hàn gắn, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn của bà T là có căn cứ chấp nhận theo qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Bà T và ông L có 02 con chung là cháu Võ Đăng K, sinh ngày 17/8/2009 và Bùi Võ Thúy U, sinh ngày 24/02/2011. Bà T yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Ông L đồng ý để bà T nuôi hai con chung và không cấp dưỡng. Xét hoàn cảnh thực tế cháu Võ Đăng K và Bùi Võ Thúy U hiện còn nhỏ và đang sống ổn định cùng bà T và tại biên bản lấy lời khai ngày 20/10/2021 hai cháu có nguyện vọng được sống cùng mẹ nên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà T là có cơ sở chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con chung, bà Trâm không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

[5] Từ những nhận định trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Đối với lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Huệ T đối với ông Bùi Văn L về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Huệ T được ly hôn đối với ông Bùi Văn L.

- Về con chung: Bà Võ Thị Huệ T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Võ Đăng K, sinh ngày 17/8/2009 và Bùi Võ Thúy U, sinh ngày 24/02/2011.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra do đương sự không yêu cầu.

Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau này nếu cần thiết.

Ông Bùi Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị Huệ T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ toàn bộ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/00513xx ngày 09/4/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- UBND phường TH, thị xã T, tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạo